TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-07-2020.
Về việc:"Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1, Bà Trần Thị Đông.
2, Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1951; Trú tại: Thôn X, xã V, huyện G, tỉnh BN. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1971; Nơi đăng ký thường trú: Thị trấn Nông trường Ngh, huyện V, tỉnh Y; Trú tại: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Đ (Tên gọi cũ là Công ty ĐH), thuộc xã Ng, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 14 tháng 05 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Trần Văn A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thu Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V ngày 19 tháng 10 năm 2018. Cưới xong, ông ở tại nhà đất của ông có từ trước thuộc thôn X, xã V, huyện G, tỉnh B; Bà Đ ở và làm việc tại Công ty ĐH (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Đ), thuộc xã Ng, huyện Đ, thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng cứ hai hoặc ba tuần lễ ông mới đến thăm bà Đ được một lần, một ngày đêm.

Do bà Đ không thực hiện đúng giao ước là sau khi cưới, hết năm 2018, bà chuyển về chung sống với ông và xin việc làm tại quê ông cho gần nhà, nhưng bà cứ khất lần hết năm này lại đến năm sau và gần đây bà còn tuyên bố tiếp tục ở lại Công ty làm việc đến già, không về ở với ông nữa, từ đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và ngày càng căng thẳng. Hai bên đối xử lạnh nhạt, nghi kỵ, mất lòng tin và ghét nhau. Tháng 02 năm 2020, giữa ông và bà Đ thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, gây bức xúc trong cuộc sống vợ chồng, hai bên không đi lại với nhau từ đó đến nay. Theo ông, hôn nhân giữa ông và bà Đ mới tồn tại được thời gian ngắn nhưng không hoà thuận, hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không có, ông xin được ly hôn bà Đ để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Ông và bà Đ không có con chung.
- Về tài sản chung: Ông và bà Đ không có tài sản chung.

Tại Bản tự khai của bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Thu Đ ngày 30 tháng 06 năm 2020 bà Đ trình bày: Bà kết hôn với ông Trần Văn A ngày 19 tháng 10 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện G, tỉnh B là quê ông A. Do tính chất công việc, bà phải đi làm xa, không chung sống hàng ngày với ông A được, mỗi người ở một nơi, từ đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Bà công nhận hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Bà đồng ý ly hôn ông A.

- Về con chung: Bà và ông A không có con chung.
- Về tài sản chung: Bà và ông A không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn là ông Trần Văn A vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.
- Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các Thông báo và Quyết định tố tụng của Toà án, các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn trong vụ án là bà Đ vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều: 28, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận Đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn A đối với bà Nguyễn Thị Thu Đ.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về án phí: Án phí áp dụng trong vụ án là không giá ngạch. Theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì ông A thuộc đối tượng người cao tuổi (69 tuổi) nên ông được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Thu Đ có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án của Toà án nên bà đã vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà mặc dù đã được Toà án tống đạt, triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Điều 288, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn A, bà Nguyễn Thị Thu Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh B ngày 19 tháng 10 năm 2018, hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, ông A tiếp tục sinh sống ở quê, bà Đ sinh sống và làm việc tại Công ty ĐH (Nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Đ), thuộc địa bàn xã Ng, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Do hàng ngày ông bà không chung sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và ngày càng căng thẳng, trầm trọng.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Đối với ông A và bà Đ thì không được như vậy, ngay sau khi kết hôn, giữa ông bà đã không hòa thuận, hạnh phúc vì không có sự thông cảm, tôn trọng, tin tưởng nhau; Hai người sống lạnh nhạt, không có tình cảm với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông A và bà Đ không đạt được là xây dựng gia đình hạnh phúc, nếu kéo dài hôn nhân của hai người cũng không đảm bảo tồn tại lâu dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà Đ, để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị Thu Đ không có con chung nên Toà án không phải giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị Thu Đ cùng khai thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4]. Về án phí: Ông Trần Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn A thuộc diện người cao tuổi (69 tuổi) nên ông được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1, Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn A.

Ông Trần Văn A được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu Đ.

2, Về con chung: Không có.

3, Về tài sản chung: Không có.

4, Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần Văn A phải chịu cả. Ông A thuộc đối tượng người cao tuổi, nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

5, Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Nguyễn Thị Thu Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- UBND. xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân